

Số: 1065/QĐ-SYT

Đồng Nai, ngày 08 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 (lần 7)

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

Căn cứ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND, ngày 16/06/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1036/QĐ-SYT ngày 01/8/2022 của Sở Y tế về việc giao bổ sung dự toán ngân sách địa phương năm 2022 (đợt 1); Quyết định số 1038/QĐ-SYT ngày 01/8/2022 của Sở Y tế về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của Phụ trách phòng Kế hoạch - Tài chính;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 lần 7 (Phụ lục đính kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website SYT;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Quang Trung

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Quyết định số 1065/QĐ-SYT ngày 08/8/2022 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị:	Chi cục Dân số KHHGD	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	TTYT TP. Biên Hòa	TTYT huyện Long Thành	TTYT TP. Long Khánh	TTYT huyện Định Quán	TTYT huyện Trảng Bom	TTYT huyện Thống Nhất
Mã số:	1062436	1128359	1065904	1073738	1077451	1065903	1021518	1046430
Mã KBNN nơi giao dịch:	1761	1761	1761	1767	1766	1768	1764	1771
								Đvt: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.420,66	3.363,70	727,26	956,00	192,30	190,20	191,80	79,80	(10,50)
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	6.420,66	3.363,70	727,26	956,00	192,30	190,20	191,80	79,80	(10,50)
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6.420,66	3.363,70	727,26	956,00	192,30	190,20	191,80	79,80	(10,50)
130 - 131	Địa phương hỗ trợ chương trình phòng bệnh (thu hồi tạm ứng)	(8.683,44)	-	(3.183,44)	(500,00)	(500,00)	(500,00)	(500,00)	(500,00)	(500,00)
130 - 131	Hỗ trợ Chương trình Y tế - Dân số	15.104,10	3.363,70	3.910,70	1.456,00	692,30	690,20	691,80	579,80	489,50
130 - 131	Dự án 1: Phòng chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến	4.682,50	-	1.227,50	294,90	252,10	285,00	401,30	201,50	226,20
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống sốt rét	925,00		480,00		10,00		70,10		
130 - 131	- Hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng và trẻ em	1.940,90		40,00	159,20	168,60	222,40	235,10	114,80	122,30
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống ung thư	629,40		501,50	9,20	10,90	8,80	13,10	9,20	11,30
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống bệnh tim mạch	242,70		48,00	13,50	10,20	10,40	12,20	36,40	22,00
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường và phòng chống các rối loạn do thiếu I - ốt	864,90	-	158,00	90,00	52,40	40,40	51,30	38,80	57,00
130 - 131	+ Phòng, chống bệnh đái tháo đường	591,10		59,00	63,60	33,20	27,20	32,30	21,00	45,20
130 - 131	+ Phòng chống các rối loạn do thiếu I - ốt	273,80		99,00	26,40	19,20	13,20	19,00	17,80	11,80
130 - 131	- Hoạt động Y tế học đường	79,60		-	23,00	-	3,00	19,50	2,30	13,60
130 - 131	Dự án 2 Tiêm chủng mở rộng	2.775,70		145,20	891,90	257,20	234,60	110,90	241,10	147,40
130 - 131	Dự án 3 Dân số và phát triển	4.587,30	3.310,00	830,00	75,30	75,30	28,40	29,90	36,90	30,90
130 - 131	- Hoạt động Dân số - kế hoạch hóa gia đình	3.267,00	3.267,00							
130 - 131	- Chương trình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	43,00	43,00							
130 - 131	- Hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản	568,80	-	550,00				3,30		3,50
130 - 131	- Hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em	708,50	-	280,00	75,30	75,30	28,40	26,60	36,90	27,40
130 - 131	Dự án 4 An toàn thực phẩm	432,30	-	432,30						
130 - 131	Dự án 5 Phòng, chống HIV/AIDS	2.350,10	-	1.275,70	132,20	107,70	110,20	87,90	100,30	85,00
130 - 131	Dự án 8: Quản lý theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá chương trình và truyền thông y tế	276,20	53,70	-	61,70	-	32,00	61,80	-	-
130 - 131	+ Nâng cao năng lực truyền thông và giám sát, đánh giá thực hiện chương trình	276,20	53,70	-	61,70	-	32,00	61,80	-	-
130 - 131	++ Truyền thông Y tế - Dân số	276,20	53,70	-	61,70		32,00	61,80		

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Quyết định số 1065/QĐ-SYT ngày 08/8/2022 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị: TTYT huyện Tân Phú TTYT huyện Xuân Lộc TTYT huyện Vĩnh Cửu TTYT huyện Nhơn Trạch TTYT huyện Cẩm Mỹ

Mã số: 1073805 1025637 1027521 1046172 1021514

Mã KBNN nơi giao dịch: 1763 1765 1762 1769 1772

Đvt: Triệu đồng Đvt: Triệu đồng Đvt: Triệu đồng Đvt: Triệu đồng Đvt: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	296,50	216,50	328,90	(113,80)	2,00
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	296,50	216,50	328,90	(113,80)	2,00
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	296,50	216,50	328,90	(113,80)	2,00
130 - 131	Địa phương hỗ trợ chương trình phòng bệnh (thu hồi tạm ứng)	(500,00)	(500,00)	(500,00)	(500,00)	(500,00)
130 - 131	Hỗ trợ Chương trình Y tế - Dân số	796,50	716,50	828,90	386,20	502,00
130 - 131	Dự án 1: Phòng chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến	507,60	319,40	563,70	137,40	265,90
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống sốt rét	22,60	3,60	338,70		
130 - 131	- Hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng và trẻ em	236,10	204,70	181,10	71,00	185,60
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống ung thư	22,30	15,30	7,50	12,30	8,00
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống bệnh tim mạch	47,40	14,60	9,50	7,20	11,30
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường và phòng chống các rối loạn do thiếu I - ốt	171,20	77,70	22,20	46,90	59,00
130 - 131	+ Phòng, chống bệnh đái tháo đường	153,40	68,40	7,20	34,10	46,50
130 - 131	+ Phòng chống các rối loạn do thiếu I - ốt	17,80	9,30	15,00	12,80	12,50
130 - 131	- Hoạt động Y tế học đường	8,00	3,50	4,70	-	2,00
130 - 131	Dự án 2 Tiêm chủng mở rộng	131,90	261,80	109,60	160,90	83,20
130 - 131	Dự án 3 Dân số và phát triển	49,30	23,90	40,00	23,90	33,50
130 - 131	- Hoạt động Dân số - kế hoạch hóa gia đình					
130 - 131	- Chương trình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi					
130 - 131	- Hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản			12,00		
130 - 131	- Hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em	49,30	23,90	28,00	23,90	33,50
130 - 131	Dự án 4 An toàn thực phẩm					
130 - 131	Dự án 5 Phòng, chống HIV/AIDS	107,70	111,40	77,00	64,00	91,00
130 - 131	Dự án 8: Quản lý theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá chương trình và truyền thông y tế	-	-	38,60	-	28,40
130 - 131	+ Nâng cao năng lực truyền thông và giám sát, đánh giá thực hiện chương trình	-	-	38,60	-	28,40
130 - 131	++ Truyền thông Y tế - Dân số			38,60		28,40

NAM

PHỤ LỤC 2
(Kèm theo Quyết định số 1065/QĐ-SYT ngày 08/8/2022 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị:	Văn phòng Sở Y tế	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	Chi cục Dân số KHHGD	BVĐK Đồng Nai	BVĐK Thống Nhất	BV Nhi đồng Đồng Nai	Bệnh viện Phổi	Bệnh viện Da Liễu	Bệnh viện ĐKKV Long Khánh	Bệnh viện ĐKKV Long Thành	Bệnh viện ĐKKV Định Quán
Mã số:	1012512	1075022	1062436	1073798	1012513	1073743	1073803	1073802	1073799	1073794	1079060
Mã KBNN nơi giao dịch:	1761	1761	1761	1761	1761	1761	1761	1761	1766	1767	1768

ĐVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	14.960	2.475	325	16	1.163,20	1.094,7	760,1	134,0	1.216,4	619,6	337,9	401
340	Chi quản lý hành chính	1.310	969	325	16	0,00	0,0	0	0,0	0,0	0,0	0,0	0
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.243	938	305	0	0	0,0	0	0,0	0,0	0,0	0,0	0
340 - 341	+ Chi con người	1.243	938	305									
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	67	31	20	16	-	0,0	-	0,0	0,0	0,0	0,0	0
340 - 341	+ Trợ cấp Tết (cho CBCCVC)	67	31	20	16	-	0,0	0,0		0,0	0,0	0,0	0
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	13.650	1.506	0,00	0,00	1.163,2	1.094,7	760,1	134,0	1.216,4	619,6	337,9	401
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.652	-	-	-	-	-	-	0,0	1.137	-	0,0	0
130 - 131	Y tế dự phòng	850	-	-	-	-	-	-	0,0	-	-	0,0	0
	+ Chi hoạt động (do tăng biên chế)	850											
130 - 132	Khám bệnh, chữa bệnh	2.587	-	-	-	-	-	-	0,0	1.137	-	-	-
	+ Chi con người	1.137								1.137			
	+ Chi hoạt động các TYT (do tăng biên chế)	1.450	0	-	0	-	-	0,0	0,0	-	-	0,0	0
130 - 139	Y tế khác	50	0	0	0	0	0	0	0,0	0	0	0,0	0
	+ Chi hoạt động (do tăng biên chế)	50	0	-	0	-	-	0,0	0,0	-	-	0,0	0
130 - 151	Dân số	165	0	0	0	0	0	0	0,0	0	0	0,0	0
	+ Chi con người (do tăng biên chế)	165											
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	9.998	1.506	0,0	0,0	1.163,2	1.094,7	760,1	134,0	79,4	619,6	337,9	401
130-139	Kinh phí trợ cấp Tết (SNYT)	8.435	0,0	0,0	0,0	1.163,2	1.094,7	760,1	134,0	79,4	619,6	337,9	401
	+ Chi cho CBCCVC	7.961	-	-	0	1.004	1.027	704	132,0	77	520	325	363
	+ Chi cho bệnh nhân	474	-	-	0,0	159,2	67,7	56,1	2	2,4	99,6	12,9	38
130-139	KP tổ chức đón cách ly y tế và theo dõi sinh viên tỉnh Savannakhet, Lào	57	-	-	0	-	-	-	0	-	-	-	-
130-139	KP sửa chữa TT Kiểm nghiệm (do bị hủy dự toán năm 2021)	233	233	-	0	-	-	-	0	-	-	-	-
130-139	Kinh phí thăm và tặng quà cho Bộ ngành Trung ương đã hỗ trợ tỉnh Đồng Nai PCD Covid-19	1.273	1.273	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	+ Kinh phí tổ chức đoàn đi thăm	273	273	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	+ Kinh phí quà tặng	1.000	1.000										



SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
Chương: 423

Đơn vị:	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Kiểm nghiệm	Trung tâm Giám định Y khoa	Trung tâm Pháp Y	TTYT TP. Biên Hòa	TTYT huyện Long Thành	TTYT TP. Long Khánh	TTYT huyện Định Quán	TTYT huyện Trảng Bom	TTYT huyện Thống Nhất
Mã số:	1079061	1128359	1021522	1025640	1028428	1065904	1073738	1077451	1065903	1021518	1046430
Mã KBNN nơi giao dịch:	1761	1761	1761	1761	1761	1761	1767	1766	1768	1764	1771

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	137	343,00	81	19,00	18	568	422	157	198	596,6	267,3
340	Chi quản lý hành chính	0	0,00	0	0,00	0,00	0	0	0	0	0,0	0,0
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,0	0,0
340 - 341	+ Chi con người											
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	-	0	-	-	0	0	0	0	0,0	0,0
340 - 341	+ Trợ cấp Tết (cho CBCCVC)	0	-	0	-							
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	137	343	81	19	18	568	422	157	198	596,6	267,3
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	50	0	0	165	250	-	0	200	-
130 - 131	Y tế dự phòng	0	0	-	0	0	-	150	-	0	50	-
	+ Chi hoạt động (do tăng biên chế)							150			50	
130 - 132	Khám bệnh, chữa bệnh	-	-	-	-	-	-	100	-	-	150	-
	+ Chi con người											
	+ Chi hoạt động các TYT (do tăng biên chế)	0	0	-	0			100			150	
130 - 139	Y tế khác	0	0	50	0	0	0	0	0	0	0	0
	+ Chi hoạt động (do tăng biên chế)	0	0	50	0							
130 - 151	Dân số	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	+ Chi con người (do tăng biên chế)						165					
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	137	343	31	19	18	403	172	157	198	396,6	267,3
130 - 139	Kinh phí trợ cấp Tết (SNYT)	137	286	31	19	18	403	172	157	198	396,6	267,3
	+ Chi cho CBCCVC	136	286	31	19	18	403	172	157	198	391	266
	+ Chi cho bệnh nhân	1	-	-	-		0,0	0,0		-	5,6	1,3
130 - 139	KP tổ chức đón cách ly y tế và theo dõi sinh viên tỉnh Savannakhet, Lào	-	57	-	-		0					
130 - 139	KP sửa chữa TT Kiểm nghiệm (do bị hủy dự toán năm 2021)	-	-	-	-		0					
130 - 139	Kinh phí thăm và tặng quà cho Bộ ngành Trung ương đã hỗ trợ tỉnh Đồng Nai PCD Covid-19	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	+ Kinh phí tổ chức đoàn đi thăm	0	0	0	0							
	+ Kinh phí quà tặng											



SỔ Y TẾ ĐỒNG NAI
Chương: 423

Đơn vị: TTYT huyện Tân Phú TTYT huyện Xuân Lộc TTYT huyện Vĩnh Cửu TTYT huyện Nhơn Trạch TTYT huyện Cẩm Mỹ
Mã số: 1073805 1025637 1027521 1046172 1021514
Mã KBNN nơi giao dịch: 1763 1765 1762 1769 1772

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	349,6	432,2	1.770	665,2	393,2
340	Chi quản lý hành chính	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0,0	0,0	0	0,0	0,0
340 - 341	+ Chi con người					
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0,0	0,0	-	0,0	0,0
340 - 341	+ Trợ cấp Tết (cho CBCCVC)					
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	349,6	432,2	1.770	665,2	393,2
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0,0	-	1.400	400	50
130 - 131	Y tế dự phòng	0,0	-	200	400	50
	+ Chi hoạt động (do tăng biên chế)			200	400	50
130 - 132	Khám bệnh, chữa bệnh	-	-	1.200	-	-
	+ Chi con người					
	+ Chi hoạt động các TYT (do tăng biên chế)			1200		
130 - 139	Y tế khác	0,0	0	0	0	0
	+ Chi hoạt động (do tăng biên chế)					
130 - 151	Dân số	0,0	0	0	0	0
	+ Chi con người (do tăng biên chế)					
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	349,6	432,2	370	265,2	343,2
130 - 139	Kinh phí trợ cấp Tết (SNYT)	349,6	432,2	370	265,2	343,2
	+ Chi cho CBCCVC	343	424	366	260	339
	+ Chi cho bệnh nhân	6,6	8,2	4	5,2	4,2
130 - 139	KP tổ chức đón cách ly y tế và theo dõi sinh viên tỉnh Savannakhet, Lào					
130 - 139	KP sửa chữa TT Kiểm nghiệm (do bị hủy dự toán năm 2021)					
130 - 139	Kinh phí thăm và tặng quà cho Bộ ngành Trung ương đã hỗ trợ tỉnh Đồng Nai PCD Covid-19	0	0	0	0	0
	+ Kinh phí tổ chức đoàn đi thăm					
	+ Kinh phí quà tặng					